

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
 - Mã chứng khoán: HAP
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6 tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3c đường Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng
 - Điện thoại: 0225.3556002
 - Fax: 0225.3556008
 - Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Tuấn Anh
Chức vụ: Thư ký HĐQT
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ quy định về công bố thông tin, Công ty CP Tập đoàn HAPACO xin công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2018 đã soát xét, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/7/2018 tại đường dẫn: www.hapaco.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm

- 02 Báo cáo tài chính.

Người được ủy quyền công bố thông tin
Thư ký HĐQT





TẬP ĐOÀN HAPACO – CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 16 /2018/CV-HAP

"V/v giải trình BCTC HN bán niên 2018"

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2018

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Về vấn đề này, Công ty cổ phần Tập đoàn HAPACO giải trình thay đổi của lợi nhuận 6 tháng năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bán niên năm 2017 đã soát xét của Công ty như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN bán niên năm 2017: 6.696.830.599 đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN bán niên năm 2018: 16.958.127.072 đồng.
- Chênh lệch tăng : 9.448.228.533 đồng; Tỷ lệ tăng :153,22%.

Nguyên nhân:

Trong kỳ tình hình sản xuất kinh doanh của Tập Đoàn đã đi vào ổn định và tăng trưởng do các Công ty thành viên đẩy mạnh sản xuất kinh doanh; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, tối giản các chi phí, dẫn đến sản lượng sản xuất, doanh thu tăng mạnh so cùng kỳ năm 2017.

Đây chính là những nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTC hợp nhất bán niên năm 2018 của Tập đoàn Hapaco tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	7 – 54
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	7 – 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	12 – 13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	14 – 54

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và Sở cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần Hapaco theo Quyết định số 1912/QĐ/UB ngày 28 tháng 10 năm 1999 của UBND thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco được đổi tên từ Công ty Cổ phần Hapaco theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200371361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 556.266.210.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/6/2018: 556.266.210.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
 Điện thoại : 0225 3556 002
 Fax : 0225 3556 008
 Mã số thuế : 0 2 0 0 3 7 1 3 6 1

Ngành nghề kinh doanh chính

Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán.

Các đơn vị thành viên của Công ty tại ngày lập báo cáo:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng	Kinh doanh thương mại	99,84%	99,84%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	46,82%	46,82%
Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	Môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư chứng khoán	6,64%	6,64%
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng	Hoạt động tư vấn quản lý	15,00%	15,00%
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	Phường Hải Tân, Hải Dương	Kinh doanh đông dược	20,00%	20,00%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 54).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Dương Hiến	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Thúy	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên
Ông Lê Như Tiến	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Vũ Xuân Thủy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2018
Ông Vũ Xuân Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2018
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hường	Phó Tổng Giám đốc	

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng ban
Ông Võ Văn Tinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

Số : 2106.01.02/2018/BCTC-NVT2
Ngày : 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018 từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		394.339.538.448	473.872.343.808
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.612.073.204	105.482.294.460
1. Tiền	111		6.612.073.204	105.482.294.460
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	16.900.091.600	15.900.088.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		363.842	363.842
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(272.242)	(275.842)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.900.000.000	15.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		289.172.656.110	261.574.278.051
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	64.743.047.368	59.037.052.040
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	40.813.682.734	18.705.164.654
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	12.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	191.819.632.084	192.107.246.086
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(8.203.706.076)	(8.287.184.729)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	67.791.352.353	80.120.301.626
1. Hàng tồn kho	141		76.862.943.160	89.191.892.433
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.071.590.807)	(9.071.590.807)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.863.365.181	10.795.381.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.133.161.736	584.190.393
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.727.624.450	10.187.602.158
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.578.995	23.589.120
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		418.726.331.007	321.726.047.853
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		103.835.792.784	6.600.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215	V.5b	103.550.000.000	6.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác		216		285.792.784	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		77.820.106.960	75.277.152.253
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	65.392.792.552	71.901.757.178
<i>Nguyên giá</i>		222		246.574.589.064	248.644.868.820
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(181.181.796.512)	(176.743.111.642)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224	V.12	9.229.571.707	-
<i>Nguyên giá</i>		225		9.526.426.127	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		(296.854.420)	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.11	3.197.742.701	3.375.395.075
<i>Nguyên giá</i>		228		7.106.094.928	7.106.094.928
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(3.908.352.227)	(3.730.699.853)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
<i>Nguyên giá</i>		231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		249.165.549	2.352.154.424
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.12	249.165.549	2.352.154.424
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250	V.2b	231.904.064.834	231.904.064.834
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		195.023.256.654	195.023.256.654
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		41.424.251.523	41.424.251.523
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		(4.543.443.343)	(4.543.443.343)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		4.917.200.880	5.592.676.342
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.9b	4.917.200.880	5.542.168.447
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	50.507.895
5. Lợi thế thương mại		269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		813.065.869.455	795.598.391.661

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		128.010.095.165	127.405.744.443
I. Nợ ngắn hạn	310		121.438.448.100	123.534.763.124
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22.073.250.857	25.986.014.328
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.016.052.321	2.706.385.098
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	22.075.250.123	19.960.773.590
4. Phải trả người lao động	314		5.321.133.798	4.884.551.584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.287.458.615	2.975.227.984
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	14.031.362.087	14.185.256.226
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	54.077.208.113	52.243.822.128
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	556.732.186	592.732.186
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.571.647.065	3.870.981.319
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23	73.860.207	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		20.900.000	20.900.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	6.476.886.858	3.850.081.319
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		685.055.774.290	668.192.647.218
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.19	685.055.774.290	668.192.647.218
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		556.266.210.000	556.266.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		29.926.940.219	29.926.940.219
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		(4.662.935.543)	(4.662.935.543)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		64.204.460.228	64.204.460.228
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		33.178.747.313	17.128.026.190
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		421a		17.033.026.192	(12.960.163.462)
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		16.145.721.121	30.088.189.652
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429		6.142.352.073	5.329.946.124
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		813.065.869.455	795.598.391.661

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Cao Thị Thủy Lan

Kế toán trưởng



Cao Thị Thủy Lan

Tổng Giám đốc



WVu Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	241.050.270.116	190.575.432.129
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.1	7.204.450	48.560.052
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	241.043.065.666	190.526.872.077
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	200.605.957.014	165.378.609.585
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.437.108.652	25.148.262.492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	436.117.408	2.351.342.004
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	1.858.928.264	2.474.130.345
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.611.276.791	2.221.806.520
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VII.5	8.237.209.956	7.599.553.220
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	10.117.929.498	12.198.103.663
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.659.158.342	5.227.817.268
12. Thu nhập khác	31	VII.7	164.447.583	3.309.506.900
13. Chi phí khác	32	VII.8	128.925.065	610.919.690
14. Lợi nhuận khác	40		35.522.518	2.698.587.210
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.694.680.860	7.926.404.478
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	3.736.553.788	1.229.573.879
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16.958.127.072</u>	<u>6.696.830.599</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>16.145.721.123</u>	<u>6.697.492.590</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>812.405.949</u>	<u>(661.991)</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	<u>291,07</u>	<u>120,74</u>

Người lập biểu



Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Lập ngày 10 tháng 8 năm 2018



Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.694.680.860	7.926.404.478
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.123.701.267	8.401.932.949
- Các khoản dự phòng	03	(83.482.253)	560.887.453
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	157.317.017	(30.488.542)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(450.433.656)	(1.253.508.470)
- Chi phí lãi vay	06	1.611.276.791	2.221.806.520
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.053.060.026	17.827.034.388
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(124.946.266.417)	433.009.355
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.328.949.273	12.403.009.909
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(5.996.626.152)	(45.558.270.330)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.924.003.776)	(2.660.588.342)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.670.192.440)	(2.820.906.945)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.450.344.894)	(1.248.819.531)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(131.000.000)	(118.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(93.736.424.380)	(21.743.531.496)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(18.009.518.456)	(510.158.189)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	5.666.210.520	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	(7.378.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.000.000	37.350.564.551
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	168.689.152.798
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	369.858.886	1.253.508.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.961.449.050)	199.405.067.630

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	91.256.358.937	200.692.678.758
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(82.935.808.158)	(365.943.263.064)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(500.137.372)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.092.340.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>7.820.413.407</i>	<i>(176.342.924.506)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(98.877.460.023)	1.318.611.628
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 105.482.294.460	6.289.660.597
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7.238.767	2.177.720
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 6.612.073.204	7.610.449.945

Người lập biểu



Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại và cung cấp dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Sản xuất bột giấy và giấy các loại;
 - Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
 - In ấn; In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
 - Hoạt động của Bệnh viện./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco Hải Âu)	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Số 826 Điện Biên Minh Tân - Yên Bái	Sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình	Trồng rừng, sản xuất giấy	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang	Sản xuất giấy	61,54%	61,54%
Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco (tiền thân là Công ty TNHH Hapaco H.P.P)	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng	Sản xuất giấy	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng	Kinh doanh thương mại	99,84%	99,84%

6. Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	Số 738, Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ bệnh viện	46,82%	46,82%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của

công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (với khoản đầu tư vào Công ty con).

5. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Các tài sản khác	3 - 20

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được theo dõi riêng là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phân ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

13. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối năm khi lập Báo cáo tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính

15. Nguyên tắc kế toán chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

23. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số IX.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.310.731.139	546.973.799
Tiền gửi ngân hàng	4.301.342.065	104.935.320.661
Cộng	<u>6.612.073.204</u>	<u>105.482.294.460</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	363.842	88.000	275.842	363.842	84.800	275.842
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam</i>	363.842	88.000	275.842	363.842	84.800	275.842
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.900.000.000	16.900.000.000	-	15.900.000.000	15.900.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</i>	16.900.000.000	16.900.000.000	-	15.900.000.000	15.900.000.000	-
Cộng	<u>16.900.363.842</u>	<u>16.900.091.600</u>	<u>272.242</u>	<u>15.900.363.842</u>	<u>15.900.084.800</u>	<u>275.842</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Hải Phòng

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	<i>195.023.256.654</i>		<i>195.023.256.654</i>	
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green (1)	195.023.256.654	-	195.023.256.654	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<i>41.424.251.523</i>		<i>4.543.443.343</i>	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	-	23.624.251.523	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hanfinco	15.000.000.000	2.543.443.343	15.000.000.000	2.543.443.343
Công ty Cổ phần Đông dược Tiến Sa	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần An Bình	450.000.000	-	450.000.000	-
Quỹ tín dụng thành phố Yên Bái	350.000.000	-	350.000.000	-
Cộng	<u>236.447.508.177</u>	<u>4.543.443.343</u>	<u>236.447.508.177</u>	<u>4.543.443.343</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green theo Báo cáo tài chính Hợp nhất Bao gồm khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng- Công ty con. Trong đó

+ Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04 tháng 11 năm 2016 giữa Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH Hapaco Hải Âu và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green, Quyết định số 06/QĐ-HAP-HĐQT của Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO, Quyết định số 09/QĐ-Green-HDTV ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green. Các bên đã thống nhất Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green sẽ hoàn trả phần vốn đã góp đang chờ chuyển nhượng của Tập đoàn Hapaco vào Bệnh viện với số tiền 114.893.424.570 đồng. Đồng thời, Tập đoàn HAPACO thực hiện ghi nhận giảm vốn đầu tư tại Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green tương ứng. Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green đã thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh, trở thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 16 tháng 11 năm 2016 với số vốn điều lệ là 526.000.000.000 VND. Số vốn góp thực tế đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 177.000.000.000 VND

+ Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco the Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 16 tháng 11 năm 2016 với số vốn điều lệ là 526.000.000.000 VND. Số vốn góp thực tế đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 17.805.388.346 VND,

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết khi hợp nhất được xác định theo phương pháp vốn chủ:

Giá trị sổ sách của khoản đầu tư tại Công ty mẹ và Công ty con vào Công ty liên kết	194.805.388.346
Lãi lỗ phát sinh của Công ty liên kết khi hợp nhất	217.868.308
Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết sau khi Hợp nhất	195.023.256.654

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động SXKD chính
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng	6,64%	6,64%	Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng	15,00%	15,00%	Hoạt động tư vấn quản lý
Công ty Cổ phần Đồng được Tiên Sa	Phường Hải Tân, Hải Dương	20,00%	20,00%	Kinh doanh đồng được

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	4.283.240.344	3.818.214.048
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	1.678.927.766	232.389.470
Công ty Cổ phần bệnh viện QT Green	15.345.000	2.750.000
Công ty TNHH KDTM và XNK Hapaco Hà Nội	2.588.967.578	3.583.074.578
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	60.459.807.024	55.218.837.992
Công ty HOUH YOW ENTEPRISE	27.024.512.199	27.513.159.683
Công ty CP Dệt may Hapaco		
Công ty cổ phần ống giấy Chính Tường	2.776.247.364	3.250.462.413
Công ty TNHH công nghiệp Sao Đỏ Việt Nam	5.250.587.312	3.572.013.192
Công ty trách nhiệm hữu hạn PALM PAPER	3.002.286.980	-
Công ty cổ phần công nghệ Tri Việt	1.798.330.292	-
Các đối tượng khác	20.607.842.877	20.883.202.704
Cộng	64.743.047.368	59.037.052.040

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	1.153.897.895	-	2.071.074.716	-
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	1.153.897.895	-	2.071.074.716	-
<i>Trả trước các khách hàng khác</i>	39.659.784.839	1.916.233.890	16.634.089.938	1.916.233.890
Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam	4.868.783.845	-	637.750.445	-
Công ty TNHH SX Giấy và Bao Bì Phương Đông	7.514.121.280	-	5.727.000.000	-
Công ty cổ phần Đức Toàn	-	-	1.913.000.000	-
Công ty TNHH Môi Trường Quốc Huy	2.377.800.000	-	-	-
Công ty TNHH Minh Hoàng	10.943.019.000	-	-	-
Công ty CP Xây Dựng GM	5.315.000.000	-	-	-
Chou Ching Shui	744.626.880	744.626.880	744.626.880	744.626.880
Các đối tượng khác	7.896.433.834	1.171.607.010	7.611.712.613	1.171.607.010
Cộng	40.813.682.734	1.916.233.890	18.705.164.654	1.916.233.890

5. Phải thu về cho vay**b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	97.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green	72.200.000.000	-
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	25.000.000.000	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	6.350.000.000	6.600.000.000
Ông Đặng Hoa Đăng (1)	6.350.000.000	6.600.000.000
Cộng	103.550.000.000	6.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Là khoản phải thu về cho vay dài hạn Ông Đặng Hoa Đăng theo Hợp đồng cho vay số: 28.02/2014/HĐVV ngày 28/02/2014 giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hải Phòng và Ông Đặng Hoa Đăng. Số tiền vay 10.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0%. Số dư công nợ phải thu về cho vay của Ông Đặng Hoa Đăng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2018 là 6.350.000.000 VND

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	131.927.119.877		131.817.573.029	
Thành viên HĐQT- Ông Vũ Dương Hiền		-	70.000.000	
Ông Vũ Xuân Thuý		-	50.000.000	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc		-	10.000.000	
Công ty Cổ phần đầu tư Hafinco	14.812.406.097	-	14.812.406.097	
Công ty Cổ phần bệnh viện Quốc tế Green - khoản chi hộ	1.750.910.862	-	1.750.910.862	
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về góp vốn thừa đầu tư tại Bệnh viện (1)	320.638.604	-	114.893.424.570	
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	114.893.424.570		230.831.500	
Phải thu khác Công ty Cổ phần Bệnh viện Green	149.739.744		-	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	59.892.512.207	1.896.504.882	60.289.673.057	1.896.504.882
Tạm ứng	309.130.950	-	348.599.650	-
Tiền lãi hợp đồng tiền gửi	78.530.000	-	343.703.287	-
Công ty CP Dệt may Hapaco	45.008.909.422	-	45.008.909.422	-
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hải Đăng về tiền lãi dự thu	1.511.626.664	-	1.511.626.664	-
Phải thu công nợ ứng trước cho cá nhân thực hiện công việc của Tập đoàn	9.835.000.000	-	9.848.100.000	-
Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn Công ty điện máy Hải Phòng	461.380.464	461.380.464	466.591.233	461.380.464
Các đối tượng khác	2.687.934.707	1.435.124.418	2.762.142.801	1.435.124.418
Cộng	191.819.632.084	1.896.504.882	192.107.246.086	1.896.504.882

(1) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 04 tháng 11 năm 2016 giữa Tập đoàn Hapaco, Công ty TNHH Hải Âu (nay là Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng) và Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green (nay là Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green), Quyết định số 06/QĐ-HAP-HĐQT của Hội đồng quản trị Tập đoàn Hapaco, Quyết định 09/QĐ-HAP-HĐTV ngày 06 tháng 11 năm 2016 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green. Các bên đã thống nhất Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green sẽ hoàn trả phần vốn đã góp đang chờ chuyển nhượng của Tập đoàn Hapaco vào Bệnh viện với số tiền 114.893.424.570 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn Công ty điện máy Hải Phòng	461.380.464	-	461.380.464	-
Chênh lệch công nợ chưa rõ nguyên nhân	795.659.000	-	795.659.000	-
Công ty TNHH mậu dịch Hưng Việt - TQ	338.698.500	-	338.698.500	-
Jan Her Trade	273.272.250	-	273.272.250	-
Chou Ching Shui	744.626.880	-	744.626.880	-
Yeong Jong	463.569.315	-	463.569.315	-
Công ty Cổ phần chế biến nông lâm sản Hà Giang	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	1.366.324.756	-	1.366.324.756	-
Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Tiến Á Châu	100.000.000	-	150.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Đại Thiên Phú	1.034.216.620	-	1.034.216.620	-
Công ty TNHH MTV TM Giấy Hoà Bình	318.865.738	-	358.865.738	-
Công ty TNHH Huỳnh Trần	371.000.000	-	371.000.000	-
Công ty TNHH Bao bì Tân Việt Tân	211.007.352	-	211.007.352	-
Các đối tượng khác	1.773.306.601	48.221.400	1.773.306.601	54.742.747
Cộng	8.251.927.476	48.221.400	8.341.927.476	54.742.747

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	6.550.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	11.878.840.711	692.289.821	18.259.403.317	692.289.821
Công cụ, dụng cụ	946.037.485	168.095.118	1.000.936.512	168.095.118
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.506.578.622	-	6.160.892.517	-
Thành phẩm	56.619.873.557	8.211.205.868	61.931.359.557	8.211.205.868
Hàng hóa	1.313.565.622	-	542.092.416	-
Hàng gửi đi bán	2.598.047.163	-	1.290.658.114	-
Cộng	76.862.943.160	9.071.590.807	89.191.892.433	9.071.590.807

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	732.541.169	465.083.270
Chi phí bảo hiểm tài sản		4.127.128
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	40.043.735	61.289.995
Lương nghỉ phép, nghỉ lễ	687.976.332	53.690.000
Tiền thưởng thi đua	1.672.600.500	-
Cộng	<u>3.133.161.736</u>	<u>584.190.393</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.113.737.076	995.748.194
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	202.107.398	907.353.309
Chi phí thuê đất	3.601.356.406	3.639.066.944
Cộng	<u>4.917.200.880</u>	<u>5.542.168.447</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	82.927.794.019	154.499.120.003	9.521.130.833	534.545.736	1.162.278.229	248.644.868.820
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	-	862.000.000	7.086.357.272	-	-	7.948.357.272
Tăng trong kỳ do đầu tư XD/CB hoàn thành	678.830.251	1.958.893.681	-	-	-	2.637.723.932
Thanh lý, nhượng bán	-	(12.498.157.861)	-	(158.203.099)	-	(12.656.360.960)
Số cuối năm	83.606.624.270	144.821.855.823	16.607.488.105	376.342.637	1.162.278.229	246.574.589.064
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	17.293.390.564	30.907.106.536	5.559.062.299	345.524.455	1.012.404.240	55.117.488.094
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	54.778.166.586	112.526.571.735	7.778.577.490	524.549.165	1.135.246.666	176.743.111.642
Khấu hao trong kỳ	2.643.349.443	4.748.790.683	239.428.483	5.136.366	12.489.498	7.649.194.473
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.052.306.504)	-	(158.203.099)	-	(3.210.509.603)
Số cuối năm	57.421.516.029	114.223.055.914	8.018.005.973	371.482.432	1.147.736.164	181.181.796.512
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	28.149.627.433	41.972.548.268	1.742.553.343	9.996.571	27.031.563	71.901.757.178
Số cuối năm	26.185.108.241	30.598.799.909	8.589.482.132	4.860.205	1.454.065	65.392.792.552

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 98.272.714.684 VND và 27.205.069.024 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay của TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.845.229.650	1.260.865.278	7.106.094.928
Số cuối cuối năm	5.845.229.650	1.260.865.278	7.106.094.928
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.068.745.616	661.954.237	3.730.699.853
Khấu hao trong kỳ	146.130.744	31.521.630	177.652.374
Số cuối năm	3.214.876.360	693.475.867	3.908.352.227
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.776.484.034	598.911.041	3.375.395.075
Số dư cuối năm	2.630.353.290	567.389.411	3.197.742.701

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm		
Tăng trong kỳ	9.526.426.127	9.526.426.127
Số cuối cuối năm	9.526.426.127	9.526.426.127
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm		
Khấu hao trong kỳ	296.854.420	296.854.420
Số cuối năm	296.854.420	296.854.420
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	9.229.571.707	9.229.571.707

Tài sản cố định thuê tài chính có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 9.526.426.127 đồng và 9.229.571.707 đồng được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng thuê tài chính của Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - CN Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	150.000.000	91.065.549	-	241.065.549
<i>Dự án xây dựng trường mầm non</i>	<i>150.000.000</i>			<i>150.000.000</i>
- Công trình xử lý nước thải	-	91.065.549		91.065.549
Sửa chữa lớn tài sản cố định	8.100.000			8.100.000
Chi phí cải tạo máy cho xí nghiệp giấy mỏng	2.194.054.424	443.669.508	2.637.723.932	-
Cộng	2.352.154.424	534.735.057	2.637.723.932	249.165.549

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.818.609.026</i>	<i>456.445.131</i>
Công ty TNHH VIDA Hải Phòng	1.761.321.026	399.157.131
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội	57.288.000	57.288.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>20.254.641.831</i>	<i>25.529.569.197</i>
Công ty cổ phần xây dựng số 15	1.294.044.600	1.294.044.600
Ông Ngô Văn Cường	1.127.882.650	1.564.412.300
Ông Nguyễn Văn Điền	-	1.866.267.500
Công ty CP xây dựng TM và dịch vụ vận tải Đăng Khoa	2.488.894.241	2.392.972.540
Các nhà cung cấp khác	15.343.820.340	12.173.048.233
Cộng	22.073.250.857	25.986.014.328

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.984.686.392	-	7.968.375.288	8.070.706.219	1.882.355.461	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.319.510.552	2.578.995	3.736.553.788	1.450.344.894	17.605.719.446	2.578.995
Thuế thu nhập cá nhân	1.626.997.686	-	176.026.520	197.160.692	1.605.863.514	-
Thuế tài nguyên	32.383.584	-	-	-	6.189.020	-
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	964.362.000	21.010.125	943.955.478	922.945.353	964.362.000	-
Các loại thuế khác	32.833.376	-	102.384.051	124.456.745	10.760.682	-
Cộng	19.960.773.590	23.589.120	12.927.295.125	10.765.613.903	22.075.250.123	2.578.995

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc và Công ty Cổ phần Hải Hà nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10%. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco và các Công ty con khác nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000007 ngày 31/05/2007 của UBND tỉnh Hà Giang thì Công ty Cổ phần Hải Hà được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trên lợi nhuận thu được và Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2020). Năm 2017 là năm thứ 6 công ty được giảm 50% thuế TNDN phải nộp.

Các loại thuế khác

Kê khai, nộp thuế theo quy định của nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		<i>19.913.851</i>
Ông Vũ Dương Hiền- Lãi vay phải trả	-	19.913.851
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.287.458.615</i>	<i>2.955.314.133</i>
Tiền lương phép phải trả, tiền ăn ca, tiền nghỉ lễ	528.852.501	1.807.599.727
Chi phí lãi vay phải trả	35.938.262	74.940.060
Cước vận chuyển	148.500.000	108.610.253
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	574.167.852	964.164.093
Cộng	<u>1.287.458.615</u>	<u>2.975.227.984</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.522.510.669</i>	<i>10.947.424.925</i>
Công ty Cổ Phần bệnh viện quốc tế Green	10.872.510.669	10.297.424.925
Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	650.000.000	650.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.508.851.418</i>	<i>3.237.831.301</i>
Kinh phí công đoàn	193.455.971	202.743.226
Bảo hiểm xã hội	66.071.027	-
Bảo hiểm y tế	4.714.911	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.195.516	-
Phải trả về cổ phần hóa	149.520.000	149.520.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	164.340.050
Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	1.370.251.800	1.530.251.800
Cổ tức phải trả cổ đông	14.232.000	14.232.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	709.410.193	1.176.744.225
Cộng	<u>14.031.362.087</u>	<u>14.185.256.226</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
Vay thành viên Hội Đồng Quản trị	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>51.076.383.883</i>	<i>51.076.383.883</i>	<i>50.243.822.128</i>	<i>50.243.822.128</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	34.226.302.564	34.226.302.564	37.243.822.128	37.243.822.128
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn (1)</i>	<i>3.680.583.760</i>	<i>3.680.583.760</i>	<i>5.054.775.000</i>	<i>5.054.775.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (2)</i>	<i>19.282.678.804</i>	<i>19.282.678.804</i>	<i>6.618.214.363</i>	<i>6.618.214.363</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco(3)</i>	<i>11.263.040.000</i>	<i>11.263.040.000</i>	<i>16.250.000.000</i>	<i>16.250.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng</i>	-	-	9.320.832.765	9.320.832.765
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.000.000.000	10.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
<i>Ông Hoàng Oanh (4)</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	6.850.081.319	6.850.081.319	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco</i>	<i>6.850.081.319</i>	<i>6.850.081.319</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco</i>	<i>3.000.824.230</i>	<i>3.000.824.230</i>		
Cộng	54.077.208.113	54.077.208.113	52.243.822.128	52.243.822.128

(1) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/183193/HĐTD ngày 30/1/2018 giữa Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng là: 2.000.000.000 VND và 265.000 USD thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản thế chấp là xe Toyota Innova biển kiểm soát 21H-5738, xe Toyota Camry 3.5Q Biển kiểm soát 21A01065. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2018 là 3.680.583.760 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay thành viên Hội Đồng Quản trị	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	51.076.383.883	51.076.383.883	50.243.822.128	50.243.822.128
Vay ngắn hạn ngân hàng	34.226.302.564	34.226.302.564	37.243.822.128	37.243.822.128
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn (1)	3.680.583.760	3.680.583.760	5.054.775.000	5.054.775.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (2)	19.282.678.804	19.282.678.804	6.618.214.363	6.618.214.363
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco(3)	11.263.040.000	11.263.040.000	16.250.000.000	16.250.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	-	-	9.320.832.765	9.320.832.765
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.000.000.000	10.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ông Hoàng Oanh (4)	10.000.000.000	10.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.850.081.319	6.850.081.319	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	6.850.081.319	6.850.081.319	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco</i>	3.000.824.230	3.000.824.230		
Cộng	54.077.208.113	54.077.208.113	52.243.822.128	52.243.822.128

(1) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/183193/HĐTD ngày 30/1/2018 giữa Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng là: 2.000.000.000 VND và 265.000 USD thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản thế chấp là xe Toyota Innova biển kiểm soát 21H-5738, xe Toyota Camry 3.5Q Biển kiểm soát 21A01065. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2018 là 3.680.583.760 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(2) Khoản vay giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1735400073 ngày 20 tháng 12 năm 2017. Hạn mức cấp tín dụng là 9 tỷ đồng chẵn. Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký. Mục đích và lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng lần cấp tín dụng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi bên thứ 3 là Ông Vũ Dương Hiến và được đảm bảo bằng Chứng chỉ tiền gửi số 030040496919/MA015772 do Sacombank Hải Phòng phát hành ngày 16/8/2017. Giá trị tài sản đảm bảo là 9.200.000.000 VND. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số PL01-LD1735400073 ký ngày 13 tháng 3 năm 2018, sửa đổi Hạn mức cấp tín dụng là 9.000.000.000 và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương

+ Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1800200202 ký ngày 26 tháng 1 năm 2018. Hạn mức cấp tín dụng là 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng) và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng. Lãi suất và mục đích vay được quy định cụ thể trong từng Văn kiện tín dụng trên cơ sở có 365 ngày. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ các quyền đòi nợ/nguồn thu được chi định về tài khoản thanh toán mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Hải Phòng của Bên được cấp tín dụng phát sinh từ các Hợp đồng dân sự, Hợp đồng kinh doanh thương mại, thỏa thuận bán hàng trực tiếp hoặc qua điện thoại...được ký kết giữa Bên được cấp tín dụng và Bên thứ ba có nghĩa vụ theo các Hợp đồng kinh tế bao gồm: Houh Yow Enterprise Co.,Ltd và các khách hàng của đối tác này; bao gồm nhưng không giới hạn các khoản tiền, các tài sản hình thành hoặc phát sinh mà Bên được cấp tín dụng có được từ hoạt động kinh doanh/dự án đầu tư...(trừ tàu bay, tàu biển hoặc quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất)

- Các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất 17.406m² và cơ sở hạ tầng trên đất thuê trả tiền hàng năm từ tháng 5/2004 đến tháng 5/2044 tại địa chỉ: Xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Giấy tờ chứng minh là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 841181, vào sổ cấp GCNQSDĐ: 00785/QSDĐ/Số 1405/TP/2004 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 6 tháng 5 năm 2004 cho Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (nay là Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco). Giá trị tài sản là 9.600.000.000 VND.

+ Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1803100084 ký ngày 31 tháng 1 năm 2018. Hạn mức cấp tín dụng là 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ đồng). Thời hạn hiệu lực của Hạn mức đến 26/1/2019. Lãi suất và mục đích vay được quy định cụ thể trong từng Văn kiện tín dụng trên cơ sở có 365 ngày. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng tiền gửi số 030043860980/EA046030 do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Hải Phòng phát hành ngày 30/1/2018 với giá trị là 1.000.000.000 theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số LD1803100084/HĐCC-01 ký ngày 31/1/2018. Theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số PL01-LD1803100084 ký ngày 18/5/2018, sửa đổi hạn mức cấp tín dụng là 20.000.000.000 và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương; bổ sung tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi số 02/2018/STB-GHP/030045900076/EA054212 do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Hải Phòng phát hành ngày 17/5/2018 với giá trị 9.400.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số LD1803100084/HĐCC-02 ký ngày 18/5/2018. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 10.400.000.000 (Mười tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(3) Khoản vay giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD180680084 ngày 10 tháng 3 năm 2018, hạn mức cho vay là 23 tỷ, hạn mức sử dụng ngay là 11 tỷ, hạn mức tín dụng bao gồm dư nợ của các hợp đồng tín dụng số LD1717300210 ngày 04 tháng 07 năm 2017 và LD1732700026 ngày 24 tháng 11 năm 2017, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng, tài sản đảm bảo là Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 030040131953/CL.843627 trị giá 33.620.000.000 đồng và sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 030039530585/CL449752 trị giá 6.500.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 40.120.000.000 đồng.

(4) Khoản vay bà Hoàng Oanh theo Hợp đồng vay vốn số 14.03.2017/HĐVV, số tiền vay là 5.000.000.000VND, Lãi suất cho vay là 3%. Và phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/14.03.2017/PL - HĐVV ngày 01 tháng 06 năm 2017, điều chỉnh số tiền vay từ 5 đến 10 tỷ đồng. Mục đích vay để hỗ trợ nhập nguyên liệu và giải quyết nhu cầu vốn lưu động trong giai đoạn công ty khó khăn chưa được tập đoàn hỗ trợ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	2.000.000.000				(2.000.000.000)	-
Vay thành viên Hội Đồng Quản trị	2.000.000.000				(2.000.000.000)	-
<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	50.243.822.128	77.424.932.810	4.178.881.319	164.555.784	(82.935.808.158)	51.076.383.883
Vay ngắn hạn ngân hàng	37.243.822.128	72.924.932.810	-	164.555.784	(76.107.008.158)	34.226.302.564
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- Khoản vay của Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn (1)	5.054.775.000	14.806.917.260		39.812.500	(16.220.921.000)	3.680.583.760
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng (2)	6.618.214.363	39.613.164.370		124.743.284	(27.073.443.213)	19.282.678.804
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco(3)	16.250.000.000	17.000.000.000			(21.986.960.000)	11.263.040.000
Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng	9.320.832.765	1.504.851.180			(10.825.683.945)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.000.000.000	4.500.000.000			(1.500.000.000)	10.000.000.000
Ông Hoàng Oanh (4)	7.000.000.000	4.500.000.000			(1.500.000.000)	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000		4.178.881.319		(3.328.800.000)	6.850.081.319
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco	6.000.000.000		-		(3.328.800.000)	6.850.081.319
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - CN Hải Phòng- Khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco			328.800.000		(328.800.000)	
<i>Nợ thuế tài chính đến hạn trả - Khoản nợ thuế tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco</i>	52.243.822.128	77.424.932.810	3.500.961.602	164.555.784	(500.137.372)	3.000.824.230
			7.679.842.921		(83.435.945.530)	54.077.208.113

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Là khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng Hapaco

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng (1)	-	-	3.850.081.319	3.850.081.319
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng (2)	986.200.000	986.200.000	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng (3)	2.990.000.000	2.990.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - CN Hà Nội (4)	2.500.686.858	2.500.686.858	-	-
Cộng	6.476.886.858	6.476.886.858	3.850.081.319	3.850.081.319

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng vay số 2100 - LAV 201200596/HĐTD ngày 31/10/2012 và các Phụ lục Hợp đồng nhằm bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng. Khoản vay được gia hạn ngày trả nợ cuối cùng đến 25/09/2019; lãi suất vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là toàn bộ công trình nhà máy, dây chuyền máy móc đồng bộ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất giấy Kraft thuộc Công ty Cổ phần Hapaco H.P.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số LD1806800129 ngày 10 tháng 3 năm 2018, số tiền vay 7 tỷ, mục đích vay xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất, lãi suất vay 10,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 030040131953/CL.843627, giá trị 33.620.000.000 đồng.

(3) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/HPB/2018/HĐTD/473 ngày 29 tháng 6 năm 2018, hạn mức vay tối đa 2.990.000.000 đồng, lãi suất vay 8,8%/năm, thời hạn vay 36 tháng, tài sản đảm bảo là Xe ô tô Mercedes-Benz biển số 15A-401.80, số khung RLMUG6GX2HV001749, số máy 27682430659012. giá trị tài sản đảm bảo là 4.115.000.000 đồng.

(4) Là khoản thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số C180404415 ngày 17 tháng 4 năm 2018, giá trị thuê 6.001.648.460 đồng, thời hạn thuê 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	3.850.081.319	-	-	(3.850.081.319)	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng (b)	-	1.315.000.000	-	(328.800.000)	986.200.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hải Phòng (c)	-	2.990.000.000	-	-	2.990.000.000
Nợ thuê tài chính- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chaillease - CN Hà Nội	-	9.526.426.127	(3.524.777.667)	(3.500.961.602)	2.500.686.858
Cộng	3.850.081.319	13.831.426.127	(3.524.777.667)	(7.679.842.921)	6.476.886.858

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	592.732.186	95.000.000	(131.000.000)	556.732.186
Cộng	592.732.186	95.000.000	(131.000.000)	556.732.186

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5-6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	66.770.060.228	15.142.241.851	5.029.803.527	668.472.320.282
Chi quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	(2.565.600.000)	-	-	(2.565.600.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	130.000.000	130.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.252.865.336	170.142.597	13.423.007.933
Bù đắp quỹ khen thưởng phúc lợi âm tại Công ty TNHH Hapaco phương Đông trước thời điểm sáp nhập	-	-	-	-	(475.548.000)	-	(475.548.000)
Thuế TNDN và thuế TNCN không phải nộp tại Công ty TNHH Hapaco Phương Đông trước thời điểm sáp nhập	-	-	-	-	417.697.203	-	417.697.203
Trích quỹ KTPL của Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	-	-	-	-	(115.000.000)	-	(115.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận năm 2016 (**)	-	-	-	-	(11.094.230.200)	-	(11.094.230.200)
Số dư cuối năm trước	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	64.204.460.228	17.128.026.190	5.329.946.124	668.192.647.218
Số dư đầu năm nay	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	64.204.460.228	17.128.026.190	5.329.946.124	668.192.647.218
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	16.145.721.123	812.405.949	16.958.127.072
Trích quỹ KTPL của Công ty TNHH Hapaco Đông Bắc	-	-	-	-	(95.000.000)	-	(95.000.000)
Số dư cuối năm nay	556.266.210.000	29.926.940.219	(4.662.935.543)	64.204.460.228	33.178.747.313	6.142.352.073	685.055.774.290

(*) Theo Quyết định số 55/2017/HAP/QĐ-KT ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để chi thường cho sáng kiến: “Chuyển đổi nguồn vốn Ngân hàng nước ngoài vào sản xuất kinh doanh trong nước và dịch vụ tài chính”.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 05/2017/NQ-DHCD-HAP ngày 29 tháng 4 năm 2017, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 2% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế có đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.626.621	55.626.621
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	55.626.621	55.626.621
- Cổ phiếu phổ thông	55.626.621	55.626.621
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	55.471.151	55.471.151
- Cổ phiếu ưu đãi	55.471.151	55.471.151

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Chi tiết số dư ngoại tệ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi tiết số dư ngoại tệ USD	3.174,22	7.294,76

2. Chi tiết nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần chế biến nông lâm sản Hà Giang	1.028.804.852	1.028.804.852
Các đối tượng khác	781.654.621	781.654.621
Cộng	1.810.459.473	1.810.459.473

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	241.050.270.116	190.575.432.129
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	239.664.938.161	190.097.785.311
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.385.331.955	477.646.818
Các khoản giảm trừ doanh thu	(7.204.450)	(48.560.052)
+ Chiết khấu thương mại	(7.204.450)	(34.833.042)
+ Hàng bán bị trả lại	-	(13.727.010)
Cộng	241.043.065.666	190.526.872.077

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	199.787.236.162	164.970.078.835
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	818.720.852	419.837.627
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(11.306.877)
Cộng	200.605.957.014	165.378.609.585

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	369.858.886	1.253.508.470
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.019.755	98.476.492
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.238.767	30.488.542
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	968.868.500
Cộng	436.117.408	2.351.342.004

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.611.276.791	2.221.806.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	78.019.756	261.304.702
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	164.555.784	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.600)	(14.116.231)
Chi phí tài chính khác	5.079.533	5.135.354
Cộng	1.858.928.264	2.474.130.345

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm nay
Chi phí cho nhân viên	32.353.624	117.827.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.169.272	50.214.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.492.367.725	6.027.988.113
Chi phí bằng tiền khác	2.631.319.335	1.403.524.067
Cộng	8.237.209.956	7.599.553.220

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm nay
Chi phí cho nhân viên	6.785.763.677	6.842.581.911
Chi phí vật liệu quản lý	111.644.069	67.162.953
Chi phí đồ dùng văn phòng	238.155.525	41.020.013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	333.450.294	369.340.042
Thuế, phí và lệ phí	502.027.091	204.498.028
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(83.478.653)	585.872.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	970.281.871	1.399.628.762
Chi phí bằng tiền khác	1.260.085.624	2.687.999.740
Cộng	10.117.929.498	12.198.103.663

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ không phải trả	9	3.307.240.900
Xử lý tài sản thừa chờ xử lý	164.340.050	
Thu nhập khác	107.524	2.266.000
Cộng	164.447.583	3.309.506.900

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ không thu hồi được	1.186.177	36.364.655
Thuế không được hoàn	3.615.300	
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	113.093.697	26.004.108
Chi phí khấu hao dây chuyền sản xuất giấy móng	-	205.161.033
Thuế GTGT không được khấu trừ	-	341.015.144
Chi phí khác	11.029.891	2.374.750
Cộng	128.925.065	610.919.690

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.694.680.860
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	14.860.752.654
- Các khoản điều chỉnh tăng	14.895.734.791
<i>Xử lý các khoản công nợ</i>	2.432.136
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu</i>	
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt vi phạm hành chính</i>	114.043.297
<i>Thuế không được hoàn</i>	3.615.300
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	445.529.762
<i>Chi phí khấu hao dây truyền sản xuất giấy mỏng</i>	
<i>Khoản lỗ được quyết toán riêng</i>	
<i>Dự phòng đầu tư Công ty con</i>	14.493.714.296
- Các khoản điều chỉnh giảm	(34.982.137)
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	-
<i>Điều chỉnh khấu hao do mua bán TS nội bộ</i>	(34.982.137)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá của tiền</i>	-
Thu nhập chịu thuế	35.555.433.514
Lỗ các năm trước được chuyển	-
Thu nhập tính thuế	<u>(14.517.892.724)</u>
Trong đó	21.037.540.790
<i>Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20% là</i>	17.455.141.743
<i>Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10% là</i>	3.582.399.047
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%
Thuế suất khác thuế suất phổ thông	10%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	3.491.028.349
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	358.239.905
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<u>(112.714.466)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.736.553.788
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>3.736.553.788</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	16.145.721.123	6.697.492.590
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.145.721.123	6.697.492.590
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	55.471.151	55.471.151
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>291,07</u>	<u>120,74</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	55.471.151	55.471.151
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	55.471.151	55.471.151

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT LUẬN CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bù trừ công nợ phải thu thanh lý TSCĐ với khoản Nợ thuế tài chính	3.524.777.667	
Bù trừ khoản phải thu thanh lý TSCĐ với khoản phải trả nhà cung cấp	1.288.080.553	
Bù trừ khoản phải thu với tiền vay phải trả của thành viên Hội đồng quản trị	-	1.940.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

- Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thành viên Ban lãnh đạo (VND)	1.109.497.000	1.095.568.000

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ khoản phải thu với tiền vay phải trả	-	1.940.000.000
Thu tiền thành viên Ban lãnh đạo tiền chuyển nhượng cổ phần	130.000.000	-
Phải thu tiền thuế TNCN thành viên Ban Lãnh đạo	15.251.450	-
Thu tiền thuế TNCN thành viên Ban lãnh đạo	14.036.750	-
Thanh toán tiền vay thành viên Ban lãnh đạo	2.000.000.000	-
Thanh toán lãi tiền vay thành viên Ban lãnh đạo	19.913.851	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được trình bày tại thuyết minh V.6; V.16; V.18.

Giao dịch với bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</i>	
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green	Công ty liên kết
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Hafinco	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đông được Tiên Sa	Tập đoàn Hapaco là cổ đông của Công ty
<i>Các đối tượng khác</i>	
Công ty TNHH Vida Hải Phòng	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội	Ông Vũ Dương Hiền là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green		
Phải thu tiền bảo hiểm	5.700.000	2.850.000
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Quốc Tế Green chuyển tiền	580.785.744	4.913.160.497
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green về bổ sung vốn lưu động	72.200.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Green tiền thuê đất chỉ hộ	149.739.744	-
Phải thu tiền cung cấp hàng	44.715.000	-
Thu tiền cung cấp hàng	32.120.000	-
Thu hồi tiền góp vốn thừa	-	134.300.000.000
Bù trừ công nợ phải thu và phải trả	-	23.502.798
Tập đoàn Hapaco chuyển trả tiền	-	2.046.418.528
Điều chỉnh lãi vay phải trả sang Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc Tế Green	-	2.598.035.508
Công ty TNHH Vida Hải Phòng		
Phải thu bán hàng hoá	7.711.399.410	-
Thu tiền bán hàng hoá	2.082.864.800	-
Phải trả tiền mua hàng	28.565.692.454	-
Thanh toán tiền mua hàng	18.713.228.214	-
Bù trừ công nợ	7.861.622.484	-
Phải thu khác- chi hộ BHXH	89.807.104	-
Phải thu Công ty TNHH Vida Hải Phòng về cho vay	25.000.000.000	-
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và XNK Hapaco Hà Nội		
Thu tiền bán hàng	994.107.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.6; V.14; V.17.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Doanh nghiệp.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, khu vực Hòa Bình, khu vực Hà Giang.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa 001 Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	182.873.243.738	48.433.644.128	3.345.114.700	6.391.063.100	-	241.043.065.666
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	168.710.500	1.414.863.760	23.310.198.700	13.505.670.400	(38.399.443.360)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	183.041.954.238	49.848.507.888	26.655.313.400	19.896.733.500	(38.399.443.360)	241.043.065.666
Chi phí bộ phận	158.091.301.624	42.020.235.804	22.844.476.567	16.084.368.516	(38.434.425.497)	200.605.957.014
Kết quả kinh doanh (lợi nhuận trước thuế) bộ phận						(18.355.139.454)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						22.081.969.198
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						436.117.408
Doanh thu hoạt động tài chính						(1.858.928.264)
Chi phí tài chính						-
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết						164.447.583
Thu nhập khác						(128.925.065)
Chi phí khác						(3.736.553.788)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						16.958.127.072
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						(18.355.139.454)
Tổng chi phí đã phân định và các tài sản khác	8.057.346.013	248.429.185	40.000.000	210.909.091	-	8.556.684.289
Tổng chi phí khấu hao trước dài hạn	5.733.815.367	1.447.934.444	466.218.421	699.785.768	-	7.649.194.473

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	984.687.713.471	37.635.056.477	20.745.492.565	19.683.080.283	(249.685.473.341)	813.065.869.455
Tài sản phân bổ cho bộ phận						
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						
Tổng tài sản	984.687.713.471	37.635.056.477	20.745.492.565	19.683.080.283	(249.685.473.341)	813.065.869.455
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	193.713.220.113	9.409.421.691	6.104.352.755	3.917.462.959	(85.134.362.353)	128.010.095.165
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận						
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						
Tổng nợ phải trả	193.713.220.113	9.409.421.691	6.104.352.755	3.917.462.959	(85.134.362.353)	128.010.095.165

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại⁹⁹
- Lĩnh vực dịch vụ
- Lĩnh vực khác

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại	239.657.733.711	190.049.225.259
Lĩnh vực dịch vụ	1.385.331.955	477.646.818
Cộng	241.043.065.666	190.526.872.077

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	54.077.208.113	6.476.886.858	-	60.554.094.971
Phải trả người bán	22.073.250.857	-	-	22.073.250.857
Các khoản phải trả khác	20.639.954.500	20.900.000	-	20.660.854.500
Cộng	96.790.413.470	6.497.786.858	-	103.288.200.328
Số đầu năm				
Vay và nợ	52.243.822.128	3.850.081.319	-	56.093.903.447
Phải trả người bán	25.986.014.328	-	-	25.986.014.328
Các khoản phải trả khác	22.045.035.794	20.900.000	-	22.065.935.794
Cộng	100.274.872.250	3.870.981.319	-	104.145.853.569

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.612.073.204	105.482.294.460	6.612.073.204	105.482.294.460
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	248.804.156.434	247.804.152.834	248.804.156.434	247.804.152.834
Phải thu khách hàng	60.352.080.064	54.562.606.083	60.352.080.064	54.562.606.083
Các khoản cho vay	-	12.000.000	-	12.000.000
Các khoản phải thu khác	287.123.127.202	190.210.741.204	287.123.127.202	190.210.741.204
Cộng	602.891.436.904	598.071.794.581	602.891.436.904	598.071.794.581
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	60.554.094.971	56.093.903.447	60.554.094.971	56.093.903.447
Phải trả người bán	22.073.250.857	25.986.014.328	22.073.250.857	25.986.014.328
Các khoản phải trả khác	20.660.854.500	22.065.935.794	20.660.854.500	22.065.935.794
Cộng	103.288.200.328	104.145.853.569	103.288.200.328	104.145.853.569

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Địa chỉ: Tầng 5+6, Tòa nhà Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Nhân Tâm Việt và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Nhân Tâm Việt.

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu



Cao Thị Thúy Lan

Kế toán trưởng



Cao Thị Thúy Lan

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thủy